

Bản án số: 56/2025/HSST
Ngày: 27-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Ngọc Hùng
- Bà Lê Thị Chí.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Văn C, sinh năm: 1997, tại: Bình Định; nơi thường trú: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962, mẹ Nguyễn Thị Y, sinh năm 1970; chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: không; nhân thân: Ngày 20/5/2020, Lê Văn C bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án theo bản án hình sự số 98/2020/HSST (Đã chấp hành án xong).

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 25/9/2024 tại Trại tạm giam C – Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 10/01/2025, bị cáo được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

- Bị hại: 1/ Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1999; thường trú: Tổ dân phố 2, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ; nơi ở hiện tại: Số 2 đường M, phường P, TP. T, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/ Chị Lê Ngọc N, sinh năm 1993; thường trú: Số 2 đường số N, Khu phố M, phường H, TP. T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: Số 6 đường số M, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1970; thường trú: thường trú: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, Lê Văn C đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng tháng 08/2024, thông qua mạng xã hội Facebook Lê Văn C sử dụng Facebook tên "Ph Văn T" vào trang hẹn hò kết bạn với nick Facebook tên "Út O" là chị Nguyễn Thị Kim O. Sau khi chị O đồng ý, qua nhắn tin, C giả tên là T muốn làm quen kết bạn với chị O và cho số điện thoại 0926518871 để nhắn tin qua Zalo tên tài khoản "Ph Văn T". Qua nói chuyện khoảng được nửa tháng thì cả hai hẹn ngày 24/08/2024 gặp nhau để đi uống nước và ăn uống.

Vào khoảng 19 giờ ngày 24/08/2024, C điều khiển xe mô tô hiệu Honda @ màu trắng, biển số 59E1-005.65 đến địa chỉ số 2 Đường M, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh để đón chị O đi xem phim, ăn uống ở nhiều nơi. Đến khuya thì cả hai ngủ lại ở khách sạn tại quận G qua đêm. Khi đi vào khách sạn, do muốn giấu lai lịch của bản thân nên C không đưa Căn cước công dân để thuê phòng mà nói chị O đưa căn cước của chị O. Đến sáng ngày 25/08/2024, cả hai trả phòng, cùng đi ăn sáng. Trên đường đi C nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị O nên giả vờ nói với chị O mượn số tiền 4.900.000 đồng thì chị O đồng ý. Khi C chạy xe vào đồ xăng tại cây xăng 77 địa chỉ số 152 đường Nguyễn Oanh, Phường 17, quận G thì chị O xuống xe và dùng điện thoại chuyển khoản số tiền 4.900.000 đồng từ tài khoản Momo kết nối với số tài khoản: 0881000480743, Ngân hàng Vietcombank, chủ tài khoản mang tên Nguyễn Thị Kim O vào tài khoản Momo số điện thoại 0903478257 mang tên Lê Văn C, liên kết với tài khoản ngân hàng BIDV số tài khoản: 8812873741 theo yêu cầu của C.

Sau khi chuyển khoản xong, C chở chị O đến quán cà phê tên Ú Pao, địa chỉ số 1 đường P, phường L, TP. T, Thành phố Hồ Chí Minh để uống nước. Chị O đi vào quán trước còn C giả vờ gửi xe rồi điều khiển xe chạy về nhà tại Bình Dương, xóa kết bạn Zalo với chị O để không liên lạc được rồi chiếm đoạt số tiền 4.900.000 đồng tiêu xài hết.

Vụ thứ 2: Cũng tương tự hình thức như trên, ngày 16/09/2024, thông qua mạng xã hội Facebook, C sử dụng tên Facbook "Ph Văn T" kết bạn, nói chuyện rồi chuyển qua Zalo, cũng tên tài khoản "Ph Văn T", giới thiệu tên T kết bạn, nói chuyện với chị Lê Ngọc N. Sau đó, vào các ngày 17/09/2024 và 18/09/2024, chị N được C mời đi uống nước và đi xem phim. Khoảng 20 giờ ngày 19/09/2024, C mời chị N đi ăn

tối thì được chị N đồng ý. C điều khiển xe mô tô hiệu Honda @ màu trắng, biển số 59E1- 005.65 đến nhà của chị N tại Số 6 đường số M, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh chở chị N đến quán Lẩu Bò Nhà Gỗ địa chỉ số 426 đường Phan Văn Trị, Phường 07, quận G ăn tối. Khi đến nơi C và chị N đi lên lầu 1 rồi gọi thức ăn. Khoảng 30 phút sau thì C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của chị N nên mượn chiếc điện thoại Iphone 14 Promax của chị N giả vờ đặt thức ăn cho cháu. Chị N đồng ý, đưa điện thoại cho C sử dụng, sau đó C nói cầm điện thoại đi xuống dưới đường để lấy thức ăn rồi lấy xe tẩu thoát về Bình Dương. Sau đó, chị N đến trình báo tại Công an Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 23/09/2024, Công an Phường B, quận G đã mời C đến làm việc và bắt giữ C về hành vi trên.

Tại cơ quan điều tra, Lê Văn C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án:

- Sao kê tài khoản số 0881000480743, Ngân hàng Vietcombank, chủ tài khoản: Nguyễn Thị Kim O thể hiện giao dịch vào ngày 25/8/2024, số tiền ghi nợ: 4.900.000 đồng, nội dung: MOMO 0586714771 (0586714771 là số điện thoại sử dụng MOMO của chị O).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu đen, số Imei 357938439866484 thu giữ của C.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 200/KL-HĐĐGTS ngày 03/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân quận G kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax 256GB, màu đen, số IMEI: 357938439866484, đã qua sử dụng trị giá là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng chẵn).

Đây là chiếc điện thoại di động của chị Lê Ngọc N bị C chiếm đoạt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã ra Quyết định trả lại cho chị N.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda @ màu trắng biển số: 59E1- 005.65, số máy: HI-KF03E-0037568-HIKGG; số khung: ZDCKF03A02F058473 thu giữ của C.

C khai đây là chiếc xe do một người bạn tên Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1997 (không rõ lai lịch) cho C mượn từ tháng 7/2024 để sử dụng. Qua xác minh, chủ sở hữu chiếc xe là Nguyễn Ngọc T (sinh năm 1957; Nơi thường trú: số 4 đường Cách Mạng Tháng 8, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). Anh T sử dụng chiếc xe đến năm 2019 thì bán cho một người khác với giá 9.000.000 đồng, không nhớ rõ cụ thể lai lịch người mua. Đến nay Anh T không còn sử dụng, sở hữu chiếc xe nêu trên, không có ý kiến gì về việc xử lý chiếc xe. Đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã đăng báo, tìm chủ sở hữu để làm việc nhưng chưa truy tìm chủ sở hữu.

- 01 bộ quần áo gồm áo sơ mi tay dài, quần dài màu đen và đôi giày da màu đen của Lê Văn C.

- 02 (hai) USB ghi nhận toàn bộ sự việc Lê Văn C thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (lưu trong hồ sơ vụ án)

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận G đã nhập kho đối với vật chứng đối với:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda @ màu trắng biển số: 59E1- 005.65, số máy: HI-KF03E-0037568-HIKGG; số khung: ZDCKF03A02F058473

- 01 bộ quần áo gồm áo sơ mi tay dài, quần dài màu đen và đôi giày da màu đen của Lê Văn C.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Y là mẹ của Lê Văn C đã thay mặt C gặp, xin lỗi 02 người bị hại là chị Lê Ngọc N và chị Nguyễn Thị Kim O, đồng thời bồi thường thiệt hại cho chị O số tiền 4.900.000 đồng nên chị O không yêu cầu gì thêm. Riêng chị N đã nhận lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax mà C đã chiếm đoạt nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Hai chị Lê Ngọc N và Nguyễn Thị Kim O có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Lê Văn C.

Tại bản cáo trạng số 72/CT-VKS-GV ngày 17/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận G đã truy tố Lê Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G sau khi phân tích nội dung vụ án, những tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng; đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại chưa lớn; những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo tích cực tham gia công tác phòng chống dịch tại địa phương được UBND xã E xác nhận. Áp dụng điểm b; h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Áp dụng điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 18 tháng đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm đến 04 năm.

- Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay khi nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm mức án nhẹ nhất và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G, Viện kiểm sát quận G, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp

[2] Tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G công bố bản cáo trạng thì Lê Văn C đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với tang vật đã được thu giữ; lời khai, biên bản nhận dạng của chị N và chị O là người bị hại; phù hợp với kết luận điều tra của Công an quận G, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận G và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể:

Vụ thứ 1: Thông qua mạng xã hội C đã sử dụng Facebook tên "Ph Văn T" kết bạn với chị O. Vào khoảng 19 giờ ngày 24/08/2024, C đã hẹn và đưa chị O đi xem phim, ăn uống ở nhiều nơi. Đến khuya thì cả hai ngủ lại ở khách sạn tại quận G qua đêm. Đến sáng ngày 25/08/2024, cả hai trả phòng, cùng đi ăn sáng. Trên đường đi C nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị O nên giả vờ nói với chị O mượn số tiền 4.900.000 đồng thì chị O đồng ý. Khi được chị O chuyển khoản số tiền trên C chở chị O đến quán cà phê tên Ú Pao để uống nước. Chị O đi vào quán trước còn C giả vờ gửi xe rồi điều khiển xe chạy về nhà tại Bình Dương, xóa kết bạn Zalo với chị O để không liên lạc được rồi chiếm đoạt số tiền 4.900.000 đồng và tiêu xài hết.

Vụ thứ 2: Tương tự C đã sử dụng Facebook tên "Ph Văn T" kết bạn, làm quen với chị N. Vào các ngày 17/09/2024 và 18/09/2024, chị N được C mời đi uống nước và đi xem phim. Khoảng 20 giờ ngày 19/09/2024, C chở chị N đến quán Lẩu Bò Nhà Gỗ quận G ăn tối và chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone 14 Promax của chị N rồi lấy xe taxi thoát về Bình Dương. Ngày 23/09/2024, Công an Phường B, quận G đã mời C đến làm việc và bắt giữ C về hành vi trên. Theo bản kết luận định giá tài sản số 200/KL-HĐĐGTS ngày 03/10/2024 thì chiếc điện thoại đã qua sử dụng trị giá là 19.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của bị cáo Lê Văn C đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Pháp luật và Nhà nước bảo hộ. Mặt khác, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì muốn tiêu xài phục vụ cho những nhu cầu cá nhân của mình mà không phải thông qua lao động chân chính bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt của chị O 4.900.000 đồng và chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị N đã được định giá là 19.000.000 đồng. Viện kiểm sát truy tố bị cáo khoản 1 Điều 174 là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét một số tình tiết:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; người bị hại là chị O đã nhận đủ số tiền bồi thường, tài sản của chị N đã kịp thời thu hồi trả lại cho chị N nên gây thiệt hại không lớn, áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho chị O (thể hiện qua sự tích cực tác động của bị cáo đến gia đình (mẹ bị cáo) xin lỗi những người bị hại và bồi thường thiệt hại cho chị O) nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, những người bị hại có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trong thời gian bùng phát dịch bệnh covid -19 tại địa phương bị cáo đã có tinh thần, trách nhiệm cao, tích cực trong việc phòng chống dịch covid -19, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã E; thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành theo giấy mời, triệu tập của tòa án; Công an xã E cũng xác nhận bị cáo chấp hành các quy định địa phương, không vi phạm pháp luật, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã phạm tội 02 lần trở lên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Theo hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018: “*Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau: “5. Người phạm tội 02 lần trở lên, trừ một trong các trường hợp sau: ...b) các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng;”*”. Bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần đều là tội phạm ít nghiêm trọng.

Về nhân thân: Ngày 20/5/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án theo bản án hình sự số 98/2020/HSST (Đã chấp hành án xong). Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 thì người bị kết án nhưng đã được xóa án tích nếu xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có đủ các điều kiện khác thì cũng có thể cho hưởng án treo. Đối với người bị kết án mà khi định tội đã sử dụng tình tiết “đã bị kết án” và đủ các điều kiện khác thì cũng có thể cho hưởng án treo.

Xét thấy, bị cáo 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, phù hợp với hướng dẫn tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP “3. ..Trường hợp có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự” Như vậy, bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 Điều 2 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; điểm a khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022. Bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa và phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự; hướng dẫn của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên miễn phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, những bị hại vắng mặt nhưng qua hồ sơ thể hiện bị hại chị N đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt, chị O đã được bồi thường nên các bị hại không yêu cầu bồi thường và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị Y mẹ của bị cáo, tại bản khai bà Y trình bày, qua sự tác động của bị cáo bà đã thay mặt bị cáo xin lỗi chị N và chị O, đồng thời bà cũng thay mặt bị cáo bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị O. Bà không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả và không yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Sao kê tài khoản số 0881000480743, Ngân hàng Vietcombank, chủ tài khoản: Nguyễn Thị Kim O thể hiện giao dịch vào ngày 25/8/2024, số tiền ghi nợ: 4.900.000 đồng, nội dung: MOMO 0586714771 (0586714771 là số điện thoại sử dụng MOMO của chị O).

- 02 (hai) USB ghi nhận toàn bộ sự việc Lê Văn C thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (lưu trong hồ sơ vụ án)

Lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu đen, số Imei 357938439866484 Công an điều tra đã trả lại cho chị N người bị hại. Xét việc trả lại tài sản trên là phù hợp nên không đưa ra xét giải quyết lại.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda @ màu trắng biển số: 59E1- 005.65, số máy: HIKF03E-0037568HIKGG; số khung: ZDCKF03A02F058473 (đã qua sử dụng). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã đăng báo, tìm chủ sở hữu để làm việc nhưng chưa truy tìm chủ sở hữu. Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận G tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 06 tháng, nếu hết thời hạn trên mà không ai đến nhận thì tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- 01 áo sơ mi tay dài, 01 quần dài màu đen và 01 đôi giày da màu đen của Lê Văn C, đây là tài sản của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 255/PNK ngày 11/10/2024 của Công an quận G).

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, 3, 4, 5 Điều 2 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn C về Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Lê Văn C có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo

phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1, 2 và 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Giao 01 (một) xe mô tô hiệu Honda @ màu trắng biển số: 59E1- 005.65, số máy: HIKF03E-0037568HIKGG; số khung: ZDCKF03A02F058473 (đã qua sử dụng) cho Chi cục Thi hành án dân sự quận G tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 06 tháng, nếu hết thời hạn trên mà không ai đến nhận thì tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi tay dài, 01 quần dài màu đen và 01 đôi giày da màu đen của Lê Văn C, đây là tài sản của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 255/PNK ngày 11/10/2024 của Công an quận G).

- Lưu hồ sơ vụ án:

- + Sao kê tài khoản số 0881000480743, Ngân hàng Vietcombank, chủ tài khoản: Nguyễn Thị Kim O thể hiện giao dịch vào ngày 25/8/2024, số tiền ghi nợ: 4.900.000 đồng, nội dung: MOMO 0586714771 (0586714771 là số điện thoại sử dụng MOMO của chị O).

- + 02 (hai) USB ghi nhận toàn bộ sự việc Lê Văn C thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (kèm lưu trong hồ sơ vụ án)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng. Nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát Q. G;
- Chi cục thi hành án Q. G;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thành Huế

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**